TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2019
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Kim Thị Ngọc Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Ông Huỳnh Ngọc Song

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Bảo Trân- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Bé H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Cao T, sinh ngày 10/8/2011.

2. Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/01/2017.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019 và bản khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị Bé H trình bày: chị với anh Nguyễn Cao C kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà V.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến khoảng tháng 11 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất dồng ý kiến trong cuộc sống, anh C thường ghen tuông và bạo hành chị, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C không nghe, nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Hai người ly thân từ năm 2018 cho tới nay, xét thấy không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh C bỏ mặt mẹ con chị, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Cao C.

Về con chung: có 02 người con chung là Nguyễn Cao T, sinh ngày 10/8/2011 và Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/01/2017, hiện đang sống với với chị, chị yêu cầu được nuôi hai con chung, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi tháng mỗi đứa 695.000đ.

Về tài sản chung: chị Hồ Thị Bé H khai không có không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị Hồ Thị Bé H khai không có không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/8/2019 (bị đơn) anh Nguyễn Cao C trình bày; Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Hồ Thị Bé H với anh Nguyễn Cao C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T Vinh là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị H có đơn ly hôn với anh C. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị Bé H và anh Nguyễn Cao C kết hôn với nhau do hai người tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2010. Quá trình chung sống chị H với anh C thời gian đầu sống có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt gia đình, anh C thường ghen tuông và bạo hành với chị có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh C không nghe và anh C bỏ mặt mẹ con chị nên hai người ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Cao C, chị yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Cao T, sinh ngày 10/8/2011 và Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/01/2017, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp

luật.

[3] Đối với anh Nguyễn Cao C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 16/8/2019 anh Nguyễn Cao C trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi hai người ly thân từ 2018 đến nay anh C cũng không có quan tâm, tìm cách hàn gắn tình cảm với chị H và chăm lo cho con. Thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh C yêu cầu đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vơ chồng, không có cơ sở chấp nhận, xét mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu khởi kiện của chị H, xử cho chị Hồ Thị Bé H được ly hôn với anh Nguyễn Cao C theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:* Hội đồng xét xử xét thấy đối với cháu Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/01/2017 và Nguyễn Cao T, sinh ngày 10/8/2011 hiện đang sống với chị H, cháu T xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 04/9/2019 thể hiện cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Hồ Thị Bé H, nghĩ nên giao chị H được nuôi dưỡng hai con chung là có cơ sở.

Xét chị Hồ Thị Bé H yêu cầu anh Nguyễn Cao C cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh C vắng mặt, không có ý kiến trình bày việc cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên buộc anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật mỗi cháu mỗi tháng 695.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Hồ Thị Bé H khai không có không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về nợ chung:* Chị Hồ Thị Bé H khai không có không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết .

[7] *Về án phí:* Chị Hồ Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Bé H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Bé H được ly hôn với anh Nguyễn Cao C.

- Về con chung: Chị Hồ Thị Bé H được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Cao T, sinh ngày 10/8/2011(theo nguyện vọng của con) và cháu Nguyễn

Thị Như N, sinh ngày 30/01/2017. Anh C được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Buộc anh Nguyễn Cao C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi (thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án đã tuyên).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Hồ Thị Bé H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Hồ Thị Bé H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hồ Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005193, ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị Hiền không phải nộp thêm.

Buộc anh Nguyễn Cao C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được nêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã Long Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Ngọc Thu